

_ Phàm vào Tịnh xá, lúc muốn tu niệm, trước tiên cúi năm vóc sát đất đảnh lễ Bản Tôn **Quán Tự Tại Vương Như Lai**. Tiếp, lễ **Bất Không Thành Tự Như Lai** ở phương Bắc rồi đến **Vô Động** (phương Đông), **Bảo Sinh** (phương Nam), **Biển Chiếu Như Lai** (Tỳ Lô Giá Na Như Lai – phương Trung Ương) thấy đều y theo Pháp chí thành kính lễ. Quý hai gối, chấp tay hoa sen, sám hối ba nghiệp, hồi đáp tất cả. Tụng Chân ngôn này là:

Còn từ vô thủy kiếp
Đắm trong biển sinh tử
Nay dùng Tâm thanh tịnh
Bày tỏ xin hồi lỗi
Như Chư Phật đã sám
Nay con cũng như vậy
Nguyện con và chúng sinh
Tất cả đều thanh tịnh.

_ Tụng Mật Ngôn này là:

“Án, tát phộc bà phộc truật đà tát phộc đạt ma tát phộc bà phộc truật độ

Hám”

ॐ स्वभाव शुद्ध सर्वधर्म स्वभाव शुद्धं

OM_ SVABHĀVA ŚUDDHA - SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAM.

_ Tiếp, nên tùy hỷ mọi Phước Trí đã gom chứa được từ Chư Phật, Bồ Tát thuộc Hiện tại, Quá Khứ, Vị lai

Các căn lành gom chứa
Từ Chư Phật, Bồ Tát
Với chúng sinh ba đời
Chấp tay tùy hỷ hết

_ Tiếp, nên quý gối phải sát đất. Chấp hai tay lại giữa trống rỗng đặt ở trên đỉnh đầu.



Tương lễ dưới chân của Chư Phật Như Lai và Bồ Tát. Tụng Mật Ngôn là:

“Án, bát ná ma, vi”

ॐ पद्म वि

OM_ PADMA VIḤ

Xong phần Trì Địa Án.

Như **Kim Cương Vương Án**.



Lễ Chư Phật xong, y theo **Tọa Ấn** mà ngồi suy tư nhập định, quán vô lượng **Như Lai** (Tathāgata) ngang bằng khắp Pháp Giới, tự thân Hành Giả đều ở ngay trong Hội ấy.

Sau đó kết **mật Tam Muội Gia Ấn**. Đặt 6 đầu ngón tay dính nhau, hơi co Tiến Lực (2 ngón trỏ) đè vắn cạnh trên của Nhãn Nguyên (2 ngón giữa), Thiên Trí (2 ngón cái) đè vắn dưới của Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi đặt ấn trên đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:

“**Án, đát tha nghiệt đồ nạp bàn phộc dã, sa phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

OM_ TATHĀGATA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

_ Tiếp, nói về **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Đà La Ni Ấn**.

Hai tay kết Liên Hoa Hợp Chương. Thiên Trí (2 ngón cái) Đan Tuệ (2 ngón út) cùng dính nhau, các đầu ngón còn lại cách nhau **một thốn** (1/3dm) rồi đặt ấn trên lỗ tai bên phải.



Chân Ngôn là:

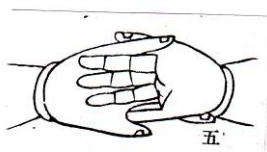
“**Án, bát đầu mâu nạp bàn phộc dã, sa phộc hạ**”

ॐ पद्म उद्भवया स्वहा

OM_ PADMA UDBHAVĀYA - SVĀHĀ

_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Kim Cương Tam Muội Gia Đà La Ni Ấn**.

Đàn Trí (ngón út trái, ngón cái phải) và Thiên Tuệ (ngón cái trái, ngón út phải) lật ngược che nhau và cùng móc nhau. (ND: ngửa bàn tay phải, úp bàn tay trái rồi đặt lưng bàn tay phải đè trên lưng bàn tay trái). Bắt đầu kết ở ngay trái tim. Diệu ngôn đặt ở trên lỗ tai trái. Nói Mật ngôn ba lần xong thì bung ấn trên Luân Đỉnh (bên trái đỉnh đầu).



Mật Ngôn là:

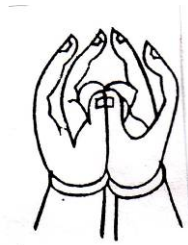
“**Án, ma nhập lỗ nạp bàn phộc dã, sa phộc hạ**”

ॐ मन्त्र उद्भवया स्वहा

OM_ VAJRA UDBHAVĀYA - SVĀHĀ.

Tiếp, kết Nhất Thiết Kim Cương Hộ Thân Đà La Ni Ấn.

Giới Phương (2 ngón vô danh) Đản Tuệ (2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên trong. Dựng 2 độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như cây Phướng, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) cách lưng của Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) 3 phân như hình móc câu.



Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật la nghĩ nễ, bát la niệm phát đá già, sa phộc hạ**”

ॐ वज्राय धरिभ्य स्वहा

OM_ VAJRA-AGNI PRADĪPTĀYA SVĀHĀ

Kim Cương Hỏa Diễm Địa Giới Đà La Ni Ấn.

Đặt độ Nhẫn (ngón giữa trái) vào khoảng giữa của độ Lực (ngón trỏ phải) và độ Nguyệt (ngón giữa phải). Đặt độ Giới (ngón vô danh trái) vào khoảng giữa của độ Tuệ (ngón út phải) và độ Phương (ngón vô danh phải). Đưa độ Nguyệt (ngón giữa phải) từ trên lưng vào khoảng giữa độ Tiến (ngón trỏ trái) và độ Nhẫn (ngón giữa trái). Đặt phương Tiến (ngón vô danh phải) vào khoảng giữa độ Đản (ngón út trái) và độ Giới (ngón vô danh trái). Đản Tuệ (2 ngón út) Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) chông xuống đất như đóng xỏ. Đọc Chân ngôn ba biến, tưởng như cái chày **Độc Cổ Kim Cương** búc lửa thâu suốt **bờ mé Kim Cương** (Kim Cương tế).



Mật Ngôn là:

“**Án, chỉ lị chỉ lị, phộc nhật la, ma nhật lộ luật, mãn đà mãn đà, hồng phát tra**”

ॐ किलि किलि वज्र वज्रि भूरि बन्धा बन्धा हुं फट

OM_ KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪR BANDHA BANDHA HŪM PHAT

Kim Cương Hỏa Thành Phi Diễm Điện Gian Viện Giới Chân Ngôn Ấn

Dựa vào Địa ấn lúc trước. Buông mở Thiên Trí (2 ngón cái) chuyển bên phải 8 phương, đọc Chân ngôn 3 biến, xa gần tùy ý.



Mật Ngôn là:

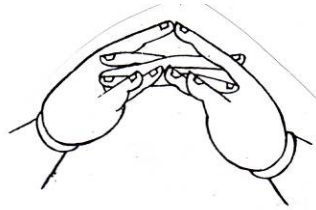
“**Án, tát la tát la, ma nhật la, bát la ca la, hồng phát tra**”

ॐ स्र स्र वज्र प्रकरं हूं ह्रूं

OM_ SARA SARA VAJRA-PRAKARA HŪM PHAT

Nhất Thiết Kim Cương Hỏa Diễm Vông Giới Chân Ngôn Án.

Cũng dựa theo Địa ấn lúc trước. Buông mở dụng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) che trên đỉnh đầu, đưa qua đưa lại 3 lần, tụng Chân ngôn 3 biến. Tượng trên cái lưới rọc lửa của Kim Cương đến ở đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:

“**Án, vĩ tát phổ la nại, lạc khất sai, bạc nhật la bán nhạ la, hồng phát tra**”

ॐ विष्ट्र वक्र वज्र पंजलं हूं ह्रूं

OM - VISPHURAD RAKṢA VAJRA-PAMJALA HŪM PHAT

Tiếp, kết Kim Cương Diễm Hỏa Giới Án.

Liên đem Định Tuệ (2 tay) cùng dính cạnh bàn tay. Dụng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) cách nhau 3 thốn, xong theo bên phải trên đỉnh đầu. Tượng bên ngoài tường lửa ấy rựa lửa bên trên đến ở đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:

“**Án, A tam mang nghi nễ, sa phộc hạ**”

ॐ अमग्नि स्वहा

OM_ ASAMĀṂGNI SVĀHĀ

Trước kết giới này thì **Ma La** (Māra: Ma chương) của 6 Dục với tất cả Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) sợ hãi bỏ chạy, không có nơi để trốn nấp.

Tiếp, kết Quán Âm Bảo Xa Án.

Liên ngửa 2 bàn tay cùng cài nhau, chuyển đem Thiên Trí (2 ngón cái), hương Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) vào bên trong bật 3 lần, tụng Chân Ngôn.



Tưởng niệm Bản Tôn tùy nguyện đến đi vào bên trong. Niệm xong thì **bọt nổi huyền hóa** trong **mật Tâm** dừng đứng chẳng hiện. Mật Ngôn là:

“**Án, đô lô đô lô, hồng**”

ॐ त्रु त्रु त्रु त्रु ह्रूं

OM_ TURU TURU HŪM

— Tiếp, kết **Đại Liên Hoa Án**.

Liên đem 2 tay cùng cài chéo nhau sao cho Tiến Lực (2 ngón trỏ) Đản Tuệ (2 ngón út) cùng dính đầu ngón. Thiên (ngón cái trái) Nguyện (ngón giữa phải) Trí (ngón cái phải) Nhân (ngón giữa trái) đều dính nhau. Hoa sen trắng 8 cánh nở 1 khuỷu tay được đặt trên cái xe, tụng Mật ngôn 3 lần. Minh là:

“**Án, đô lô đô lô, hồng**”

ॐ त्रु त्रु त्रु त्रु ह्रूं

OM_ TURU TURU HŪM

— Tiếp, kết **Bát Đại Liên Hoa Án**.

Đặt 2 cổ tay dính nhau, Đản Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp đầu ngón rồi ngửa cứng. Tưởng như 6 độ (6 ngón tay còn lại) của hoa sen cùng lia nhau, hơi co 8 cánh sen.



Mật Ngôn là:

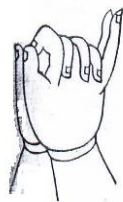
“**Án, kiếm mang la, sa phộc hạ**”

ॐ क म ल स फ ह ञ

OM_ KAMALA SVĀHĀ

— Tiếp, nói về Du Già. Kết **Bí Tam Muội Gia Án**.

Buộc kiên cố. Đem Đản Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp nhau dựng cứng.



Đây là cảnh giác, tụng Mật Ngôn là:

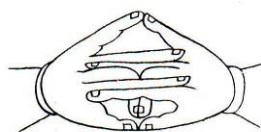
“**Án, bạt chiết la, bát ná ma, tam ma gia, tát đát phộc**”

ॐ व ज्र प श म म य ष

OM_ VAJRA-PADMA-SAMAYA STVAM

— Tiếp, kết **Nhất Thiết Chư Phật Như Lai An Lạc Hoan Hỷ Duyệt Ý Tam Muội Gia Án**.

10 ngón tay buộc bền chắc. Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp nhau. Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp dựng.



Chân Ngôn là:

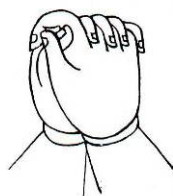
“**Án, tam ma gia, hô, tô la đà, tát đát noan**”

ॐ समया हो सुरता स्त्वाम्

OM_ SAMAYA HOH SURATA STVAM

_ Tiếp, kết **Khai Tâm Ân**.

Nhập vào chữ của Trí Kim Cương, quán trên 2 cái vú: bên phải là chữ ĐÁT LA (ॐ TRA) bên trái là chữ TRA (ॐ T) như cánh cửa của cung thất. Ba nghiệp Kim Cương Thủ Thắng đồng thời phát kéo trái tim mở 2 chữ.



Mật Ngôn là:

“**Án, bạt nhật la, mãn đà, đát tra la**”

ॐ वज्रबन्धा त्रत्

OM_ VAJRA-BANDHA TRAT

Từ vô thủy đã huân tập chủng tử tạo nên mọi trần lao. Nay dùng **Triệu Tội Ân** gom chứa lại mà đập nát.

10 ngón tay buộc bền chắc. Dựng thẳng Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như cây kim. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu. Câu tưởng triệu các tội, tưởng hình dạng của mọi tội ấy như hình luân tóc dựng. Ngược **Án Sắc** ở trái tim, va chạm xông tưng Mật Ngôn.



Vì 3 nghiệp tương ưng cho nên hay triệu các vết tích của Tội. Tụng **Triệu Tập** này xong mới làm Pháp Tội Phá (đập nát).

Mật Ngôn là:

“**Án, tát bà bá ba ca li sái noa, vĩ thâu đà ná, tam ma gia, bạt nhật la, hồng nhạ**”

ॐ सर्वपापकारणविशोधना समया वज्रहृत्

OM_ SARVA PĀPA AKARṢAṆA VIŚODHANA SAMAYA - VAJRA HŪM JAḤ

Triệu vào trong lòng bàn tay xong mới làm Pháp **Tội Phá**. Ấn trước cùng cái chéo các ngón tay bên trong, xung **Hàm** (HŪM) cột trói các tội. Cùng duỗi thẳng Nhãn Nguyên (2 ngón giữa) có chữ **Đát Lạt Tra** (𑖦𑖜 TRAT) tưởng làm cái chày Kim Cương cùng vỗ như đập nát núi.



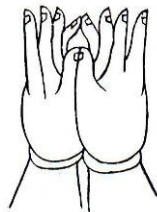
Câu cú tức (Phần cú) và **hình giận dữ** (nộ hình) hay tĩnh các nẻo ác. Tụng xong, đem Nhãn Nguyên vỗ 21 lần tùy theo nghi tắc.

“**Án, bạt nhập la bá ni, vĩ sa bố tra dã. Tát bạt bá gia mãn đà ná nĩ, bát la mẩu ngật sái dã, tát bà bá dã nghiêm để tỳ dục. Tát bà tát đát mạn, tát bà đát tha nghiêm đá, bạt nhật la, tam ma gia, hồng, đát la tra**”

ॐ वज्रपाणि विष्फोटया सत् पद्म वज्रजल समुत्था सत् पद्म गङ्गाः
सत्सर्वं सत्सर्वं गङ्गाया वज्र समया हूं व्रह्म

OM_ VAJRA-PĀṆI VISPHOṬAYA - SARVA PĀYA BANDHANĀNI
PRAMOKṢĀYA - SARVA PĀPAYA GATEBHYAḤ - SARVA SATVA MĀM
- SARVA TATHĀGATA-VAJRA-SAMAYA HŪM TRAT

Từ Bi trừm các tội
Triệu vào các trần cấu
Tưởng vỗ đập các Ma
Tất cả đều bị trừ
Thanh tịnh như trăng tròn
Nên quán sen tám cánh
Tưởng bên trong trái tim
Hai khuỷu tay dính nhau
Ngửa cứng như sen báu
Mười ngón tay lia nhau
Hơi co tám cánh sen.



Mật Ngôn là:

“**Án, kiếm mang la, sa phộc hạ**”

ॐ कमल स्वहा

OM_ KAMALA SVĀHĀ

Dùng môn Tương ứng này
Phương tiện của Phật trước

Ba nghiệp chứa các tội
 Vô lượng Chương rất nặng
 Làm **tội diệt** này xong
 Như lửa đốt cỏ khô
 Hữu tình thường ngu mê
 Chẳng biết **Lý Thú** này
 Vì Như Lai Đại Bi
 Mở môn **Mật Diệu** này
 Tiếp, nên vào kết Ấn
 Trong chữ **Trí Như Lai**
 Hai tay buộc bền chắc
 Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào trong
 Đem hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Dính nhau như cái vòng
 Quán sen tám cánh trước
 Trên đó đặt chữ **BÀ (𑖃- A)**
 Vì ba điểm nghiêm sức
 Chữ Diệu mới là **ÁC (𑖃- AH)**
 Màu trắng như kha tuyết
 Phóng tỏa ngàn ánh sáng
 Tưởng dùng độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Niệm chữ an trong tim
 Ba nghiệp cùng vận dụng
 Tụng Mật Ngôn này:
“Án, bạt chiết la phệ xả, ÁC”
 ॐ 𑖃 𑖃 𑖃 𑖃 𑖃 𑖃
 OM_ VAJRA AVISA AH

Đã tưởng vào trong tim
 Tự tưởng như quang diệu
 Đây tức **Pháp Giới Thể**
 Hành Giả nên quán đầy
 Chẳng lâu ngộ tịch tĩnh
 Pháp vốn chẳng hề sinh
 Chư Như Lai ba đời
 Thân, Khâu, Ý Kim Cương
 Đều dùng phương tiện khéo
 Giữ tại Kim Cương quyền
 Dùng dây đóng cửa tâm
 Chữ Trí được bền chắc
 Liên co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Trụ ở lưng Thiên Trí (2 ngón cái)



Đem Ấn chạm ngực xong
Liên tụng Diệu Ngôn này
“**Án, –bạt nhật la mẫu sắt trí, hàm**”

ॐ वज्रमुष्टि वाम

OM_VAJRA-MUṢṬI VAM

Tiếp, kết **tịch Trừ Kết Giới Ấn**

Liên đem 2 tay đặt ngay trái tim khiến Giới Phương (2 ngón vô danh) cùng cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái. Dựng 2 độ Nhân Nguyên (2 ngón giữa) như cây Phướng. Tiếp, đem Tiến Lục (2 ngón trỏ) móc Giới Phương (2 ngón vô danh). Thiên Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng vịn nhau.



Chân Ngôn là:

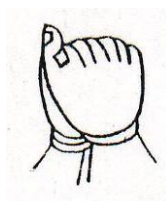
“**Án, A mật lật đồ ná bà phộc, hồng phát tra**”

ॐ अमृताउद्भवा हृम फट

OM_AMṚTA-UDBHAVA HŪM PHAT

Người tác Pháp này sẽ được Đức Đại Bi Quán Âm hóa thành **Mã Đầu Minh Vương** gia bị cho mau chóng thành Phật. Đã làm **Kết Giới** này, chuyển bên trái 3 vòng để **Tịch Trừ** điều chẳng lành, chuyển bên phải 3 vòng thì tùy ý xa gần dùng làm **Kết Giới**.

Tiếp, kết **Gia Trì** xong
Bố Tụ (an bày chữ) tưởng chân dung
Đặt **Quán Âm** nơi Ấn
Chữ **Hiệt-Lỵ** (𑖀𑖃 _ HRĪḤ) rõ ràng
Chữ này đều ứng hiện
Rộng ở trong vành trăng
Tỏa ánh hào quang trắng
Quay lại thu nhỏ dần
Chấp hai tay ngay tim
Mười ngón cùng cài trong
Rút Thiên (ngón cái trái) dựng thẳng vịn



Ấn kết trái đỉnh đầu
Hai mắt trước tiên theo
Hai bắp tay, tim, rốn

Trong gói đến trái buồng
 Tụng Mật Ngôn này là:
 “**Án, A lố lục, sa phộc hạ**”
 ॐ ऋत्ल्लिक् ष्वह
 OM_ AROLIK SVĀHĀ

__ Tiếp, Két **Khế** dùng an bày ngay trên thân của mình. Liên tự tướng thân giống như Đức Đại Bi Quán Âm có 32 tướng và 80 vẻ loại tùy hình tốt đẹp của Đức Như Lai, tỏa ánh hào quang màu vàng tía viên mãn chung quanh thân. Sẽ được sự gia bị của Như Lai. Tướng như vậy xong, đem tay **Khế** chạm trên đỉnh đầu an bày chữ **ÁN** (ॐ: OM), chạm vàng trán an bày chữ **A** (ऋ_ A), chạm mắt an bày chữ **LỐ** (ऌ_ RO) trên hai con mắt phải trái, y theo thứ tự cho đến hai bàn chân đều dùng chạm và an bày.

Tướng **ÁN** (ॐ – OM) an trên đỉnh
 Màu trắng như mặt trăng
 Tỏa vô lượng ánh sáng
 Trừ diệt tất cả Chương
 Liên đồng Phật, Bồ Tát
 Xoa trên đỉnh người ấy
 Tướng **A** (ऋ) an trên trán
 Có màu sắc vàng chóa
 Chiếu soi các u ám
 An **LỐ** (ऌ- RO) trên hai mắt
 Màu như lưu ly Cam
 Hay hiển các sắc tướng
 Dẫn đủ **Trí**
 Tướng **LỰC** (ऌ्लिक्- LIK) an hai vai
 Màu như lụa trắng sáng
 Giống như Tâm thanh tịnh
 Mau đạt **Đạo Bồ Đề** (Bodhi-mārga)
SA PHỘC (ष-SVĀ) an tim, rốn
 Hình trạng làm màu đỏ
 Thường hay tướng chữ đó
 Mau được Chuyên Pháp Luân
 Chữ **HA** (ह- HĀ) hai bàn chân
 Màu như mặt trăng tròn
 Hành giả tác tướng ấy
 Mau đạt được **VIÊN TỊCH**

__ Như vậy **Bồ Tự** tướng nhớ màu
 Liên thành Pháp Môn **Đại Bi Thắng**
 Cũng là tướng chân thật Bản Tôn
 Hay diệt các Tội được Cát Tường
 Giống như Kim Cương kiên cố tự
 Đây là Pháp Đại Bi Thắng Thượng
 Nếu thường như vậy mà tu hành
 Nên biết người đó mau thành tựu (Tất Địa:siddhi)
 Tụng ba biến Tịnh châu (làm tràng hạt thanh tịnh)

Xong dùng tâm của mình tưởng trong miệng Đức **Quán Thế Âm Đại Bi Thiên Thủ** tuôn ra văn tự của Diệu ngôn Đại Bi tỏa ra ánh sáng 5 màu nhập vào trong miệng của Hành giả đi đến vành trăng của trái tim rồi an bày xong theo bên phải. Liên tụng Chân ngôn của Bản Tôn 1 biến. Dùng ngón vô danh của tay phải lần mỗi một hạt châu. Khi quá vòng thì quay trở lại lần như trước, chẳng gấp chẳng chậm, chẳng được cao giọng, nên rõ ràng từng chữ và khiến cho con mắt nhìn thấy đủ số chữ niệm tụng đã được an bày trên thân của mình với Bản Tôn. Ở trong 1 niệm nên quán thấy 1 lúc chẳng được thiếu sót khiến tâm tán loạn. Nếu quán niệm đã mệt mỏi thì tùy theo sức mà niệm tụng. Hoặc 100, 200, 300 cho đến 500, 1000 biến ... thường lấy một số làm hạn định. Nếu có duyên sự cũng chẳng được giảm bớt số. Đến 108 lần xong thì buông tràng hạt xuống. Đây gọi là **Thanh Niệm Tụng** (niệm tụng ra tiếng).

Nếu cầu giải thoát xa lìa sinh tử thì tác **Tam Ma Địa Du Già Quán Hạnh**. Pháp này không có hạn định biến số niệm trì. Tức trái tim của mình giống như vành trăng tròn đầy cực sáng trong sạch, trong ngoài rõ ràng. Dem chữ **ÁN** (ॐ) đặt ở chính giữa vành trăng rồi an bày **ÁN A LỒ LỰC CA SA PHỘC HA** (ॐ ऋत्तुः क्षणं अरोलिक स्वहं) từ phía trước mặt xoay theo bên phải thứ tự vòng khắp **Luân Duyên**. Chân thật quán mỗi một chữ rõ ràng cùng tương ứng với **Tâm** chẳng được khác biệt.

_ Nói về nghĩa của Pháp **Tam Ma Địa Quán Niệm Bồ Tụ**.

ÁN TỰ MÔN (ॐ): Có nghĩa là “Lưu chú chẳng sinh diệt” lại ở tất cả Pháp làm nghĩa tối thắng. A Tự Môn là **A Già Lợi Gia**, dùng **Kim Cương Án** như Pháp niệm tụng vì đệ tử làm quán đỉnh xong mới trao truyền cho, dùng Tâm Đà La Ni khiến kết **Bí Án**.

Tác Kim Cương Phộc, dựng đứng Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) và co lỏng trên lại.



Bên trên **Án** nâng hoa rồi rải tán mà cúng dường. Liên nên nói là: “**Tâm Pháp Môn** này là yếu lĩnh bí mật của tất cả Như Lai. Hãy cẩn thận đừng coi thường mà nói cho người khác. Nếu phạm sẽ phá **Tam Muội Gia** (Samaya) của người. Nay Ta vì người mà nói về **Nghĩa** của nó. Bây giờ người hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ.

Chữ **A** (ॐ) có nghĩa là **Vô Sinh**, cũng có nghĩa là **Trí Tịch Tĩnh** của tất cả Như Lai.”

LỒ TỰ MÔN (ॠ): Là nghĩa **Vô Hành** ở tất cả Pháp, cũng là nghĩa **Vô Khởi Trú** trong tất cả Như Lai Pháp.

LỰC TỰ MÔN (ॡ): có nghĩa là **Vô Đẳng Giác** của tất cả Như Lai. Cũng có nghĩa là Vô Trụ (không đứng), Vô Khứ (không đi) Vô Thủ (không nắm giữ) Vô Xả (không buông bỏ).

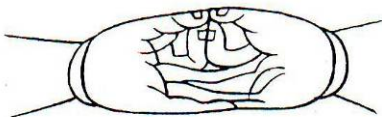
SA PHỘC TỰ MÔN (ॣ): Có nghĩa là **Vô Đẳng, Vô Ngôn thuyết** của tất cả Như Lai.

HA TỰ MÔN (𣪗): có nghĩa là “**Vô nhân tịch tĩnh, vô trụ Niết Bàn**” của tất cả Như Lai.

Đã nói về nghĩa của chữ. Tuy lập văn tự đều là nghĩa không có văn tự. Đã không có văn tự nên phải chân thật quán tưởng của mỗi một nghĩa, vòng khắp mà lại bắt đầu không có hạn kỳ, không có hạn số và chẳng được cắt đứt. Chẳng được cắt đứt là nghĩa Tối Thắng của “**Lưu chú chẳng sinh chẳng diệt**”. Do nghĩa chẳng sinh chẳng diệt nên không có Hành. Do nghĩa không có Hành nên không có Tướng. Do nghĩa không có Tướng nên không có Khởi trú. Do nghĩa không có Khởi trú nên không có Đăng Giác. Do nghĩa không có Đăng Giác nên không có Thủ xả. Do nghĩa không có Thủ xả nên Bình đẳng vô ngôn thuyết. Do nghĩa Bình đẳng vô ngôn thuyết nên Vô nhân Tịch tĩnh Vô Trụ Niết Bàn. Do nghĩa Tịch tĩnh Vô Trụ Niết Bàn nên chẳng sinh chẳng diệt, tối thắng không có cắt đứt, vòng khắp mà lại bắt đầu. Đây gọi là **Tam Ma Địa Niệm Tụng Thứ Đệ Đại Thừa Thành Tụ Pháp**.

— Tiếp, kết **Tam Ma Địa Ấn**.

Ngửa 2 bàn tay cùng cài chéo nhau sao cho Tiến Lực (2 ngón trở) cùng chung lưng. Dựng Thiên Trí (2 ngón cái) vịn đầu ngón Tiến Lực (2 ngón trở) rồi đặt bên trên bàn chân.



Hành Giả tiếp nên tu **A Sa Phá Na Già Tam Muội**. Ngồi ngay thẳng, chỉnh thân thể ngay ngắn, không cho lay động. Lưỡi trụ ở trên nóc họng, ngưng hơi thở ra vào khiến cho hơi thở thật nhẹ nhàng, chân thật quán “**Các Pháp đều do TÂM, tất cả phiền não với Tùy phiền não, Uẩn, Giới, Nhập ... đều như quán năng, như thành Càn Thát Bà, như vòng lửa chuyển xoay, như tiếng vang dội trong hang động rỗng không**”. Quán như vậy xong chẳng thấy thân tâm, trụ nơi sự vắng lặng không có Tướng và Bình đẳng dùng làm Trí cứu cánh chân thật.

Bấy giờ liền quán trong hư không có vô số Chư Phật giống như hạt mè tràn khắp đại địa. Chư Phật đều duỗi cánh tay màu vàng ròng, búng ngón tay cảnh giác rồi bảo rằng: “**Này Thiện Nam Tử! Nơi chứng của người chỉ là một đạo thanh tịnh chứ người chưa chứng được TRÍ TẤT BÀ NHÃ của KIM CƯƠNG DỤ TAM MUỘI GIA đâu! Người đừng cho là đủ. Khi xưa, PHỔ HIỀN dùng sự MÃN TỨC mới Thành Tối Chính Giác.**”

Hành Giả nghe lời cảnh giác xong. Ở trong **Định** (Samādhi) lễ dưới chân của tất cả Đức Phật “**Nguyện xin Đức Như Lai chỉ nơi hành xứ của con.**”

— Chư Phật đồng âm nói:

“**Người nên quán TÂM mình**”

— Vừa nghe lời đầy xong

Như giáo quán **Tự Tâm**

Trụ lâu quán sát kỹ

Chẳng thấy tướng **Tâm** mình

Lại tưởng lễ chân Phật

Tự nói: “**Tối Thắng Tôn!**

Con chẳng thấy TÂM mình

Đây, tướng nào của TÂM? ! ...”

Chư Phật thương bảo rằng:

**“Tướng TÂM đo khó lường
Truyền cho TÂM CHÂN NGÔN
Như LÝ quán kỹ TÂM”**

“Án, tam ma địa, bát ná mê, hiệt lệ”

ॐ ह म ध र प द मे ह री ह

OM - SAMĀDHI PADME HRĪH

Tùng hơi thở ra vào, mỗi mỗi phải rõ ràng quán vô lượng chư Phật trong hư không cùng một lúc bùng tay cảnh giác Hành Giả rồi bảo rằng: **“Nay ngươi thành Vô Thượng Giác như thế nào? Sao chẳng biết Pháp yếu của Chân tướng Chư Phật?”**

Bây giờ Hành Giả được cảnh giác xong liền bạch với Chư Phật rằng: **“Thế nào gọi là chân thật? Nguyện xin Như Lai vì con mà giải nói.”**

Lúc đó, Chư Phật bảo Hành giả rằng: **“Lành thay! Lành thay! Ngươi có thể hỏi như vậy! Ngươi nên tưởng trong trái tim có chứa chữ ÁC (𑖀𑖄 – ĀḤ) trong suốt rõ ràng nơi TÂM. Mật Ngôn là:**

“Án, chất đà bát la để vị năng, ca lộ nhĩ”

ॐ अ ढ ब ल दे वी नं ग का लो न्नि

OM - CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

Nên tụng thầm một biến, liền tưởng vành trăng như ở trong đám sương mù mỏng nhẹ. Vì muốn vành trăng ấy được trong sáng cho nên:

Niệm tụng liền thấy TÂM

Viên mãn như trăng tròn

Lại tác suy tư là:

“TÂM này là vật gì?

Phiền não gom chủng tử

Thiện ác đều do TÂM

TÂM là A LẠI GIA (Ālaya-vijñāna)

Trong sạch dùng làm NHÂN

Vì huân tập Sáu Độ

Tâm ấy là ĐẠI TÂM

Tạng thức vốn chẳng nhiễm

Trong sạch không cầu uế

Lâu dài gom phước trí

Ví như trăng tròn tịnh

Không THỂ cũng không SỰ

Liền nói chẳng phải Trăng

Do đầy đủ Phước Trí

Tự tâm như trăng tròn”

Tâm hơn hờ vui vẻ

Lại bạch: **“Các Thế Tôn!**

Con đã thấy TÂM mình

Thanh tịnh như trăng tròn

Lìa các phiền não cầu

Các Ngã chấp, Sở chấp ...”

Chư Phật đều bảo rằng?:

“Tâm ngươi vốn như vậy

Vì khách trần lấp che

TÂM BỒ ĐỀ là TỊNH

Người quán vành trăng tịnh

Được chứng TÂM BỒ ĐỀ

Truyền TÂM CHÂN NGÔN này

Mật tụng mà quán sát

“Án, mạo đề chất đa mẫu đất bá ná, gia nhĩ”

ॐ वल्लिखि ह सुख र दम

OM - BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Tụng Chân Ngôn này, chân thành quán vành trăng TÂM khiến cho thật thanh tịnh như thái hư rộng lớn không có vết ngăn che. Lại ở trong vành trăng trường có một hoa sen.

Hay khiến vành trăng TÂM

Tròn đầy hiển sáng tỏ

_ Chư Phật lại bảo rằng:

“Bồ Đề là kiên cố

Khéo trụ lao kiên cố (cực bền chắc)

Lại truyền TÂM CHÂN NGÔN

“Án, để sắt tra, phạt chiết la, bát ná ma”

ॐ वृ वृ वृ वृ वृ

OM_ TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tướng hoa sen ấy và vành trăng lớn dần dần khắp cả Pháp giới ngang bằng với hư không. Người ở vành trăng tịnh quán Ngũ Trí Kim Cương khiến vòng khắp Pháp Giới chỉ có một Đại Kim Cương, nên biết là **“TỰ THÂN tức là Kim Cương Giới”**

“Án, tát phả la, phạt chiết la, bát ná ma”

ॐ मृ वृ वृ वृ वृ

OM - SPHARA VAJRA-PADMA

Bên trong hoa sen ấy tỏa ra vô lượng hào quang chiếu soi vô lượng vô biên Thế Giới Cực Lạc. Mỗi thế giới Cực Lạc có báu diệu trang nghiêm đều có Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-tathāgata) với các Thánh Chúng vây quanh trước sau ...

Quán như vậy xong, dần dần thu nhỏ hoa sen ấy dùng chứng sự thanh tịnh của Tâm, tự thấy **“Thân là Phật”**.

Mọi tướng đều tròn đầy

Liên chứng **Tát Bà Nhã** (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)

Trọng Định lễ khắp Phật

Nguyện gia trì kiên cố

_ Tất cả Chư Phật nghe

Lời **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) xong

Vào hết trong Kim Cương

Liên nói **Kim Cương Tâm**

Chân Ngôn là:

“Án, tăng hạ la, bát nạp ma”

ॐ मृ वृ वृ वृ वृ

OM_ SAMHARA PADMA

Như vậy, Chư Phật Như Lai ở tất cả Thế Giới đều tùy theo hoa sen mà thu nhỏ lại ngang bằng với bản thân. Liên biến sắc thân thành Đức **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) với thân màu pha lê hồng tỏa ra ánh hào quang lớn.

Chư Phật đại danh xưng

Vừa nói **Minh** đó xong

Đẳng Giác Kim Cương Giới

Liên nói Trí chân thật

_ Thời các Như Lai ấy

Gia trì kiên cố xong

Chuyển từ Kim Cương ra

Trụ khắp ở hư không

Hành giả tác niệm là:

“Đã chứng KIM CƯƠNG ĐỊNH

Liên đủ TÁT BÀ NHÃ (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)

Ta thành CHÍNH ĐẲNG GIÁC”

_ Vì khiến chứng **Bát Địa** (Aṣṭa-bhūmi) cho nên kết **Kim Cương Tam Muội Gia Ấn** (Vajra-samaya-mudra) dùng làm **Tòa Kim Cương Liên Hoa** (Vajra-padmāsana).

Tự thân Hành Giả là Như Lai

Lại sợ tán loạn mà thất thoát (lui mất)

_ Tiếp tác **Gia Trì Bí Mật Ấn**

Nhẫn Nguyên sáu độ (2 giữa, 2 vô danh, 2 út) cài bên ngoài

Hai độ Tiến Lược (2 ngón trở) trụ như sen

Kèm đứng Thiền Trí (2 ngón cái) tưởng như Phướng.



Ấn tim với trán, họng và đỉnh

Đều tụng một biến xong gia trì

Tùy **Sở Chân Ngôn Diệu Thỉnh Ấn**

Mỗi mỗi tướng thành chữ HỘT LỊ (𑖀𑖃_ HRĪḤ)

Mật Ngôn là:

“Ấn, phật nhật la đạt ma, hột lị”

𑖀𑖃𑖥𑖥𑖥𑖥𑖀

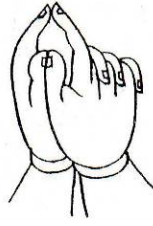
OM - VAJRA-DHARMA - HRĪḤ

Liên tưởng các Như Lai trên không

Cầm **Hư Không Bảo** rưới đỉnh ta

Định Tuệ (2 tay) hòa hợp Kim Cương Phộc

Tiến Lược (2 ngón trở) Thiền Trí (2 ngón cái) như hình báu.



Dem ấn trên trán gia trì xong
Trên đầu đội mào **Ngũ Phật Trí**
Mật Ngôn là:

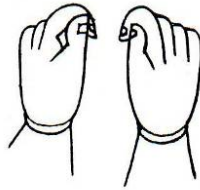
“**Án, bát ná ma la đát ná, A tỳ tru giả, tát phộc hàm, hột li, đát lạc**”

ॐ पद्म रत्न अब्धिरत्न ह्रीं त्रः

OM- PADMA-RATNA ABHIṢIMCA SVĀMAṀ HRĪḤ TRĀḤ

Tiếp, kết **Hoa Man Ấn**

Dem hai tay lúc trước để ngang trái tim. Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào trong Bản Nguyệt (lòng bàn tay). Sáu độ Nhân Nguyệt (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) đều nắm quyền. Từ vầng trán chia hai tay buộc quanh đến sau đỉnh (ót) kết Liên Hoa Quyền như thế cột vòng hoa, từ từ hạ xuống rồi buông ra giống như thế rũ dây đai.



Mật Ngôn là:

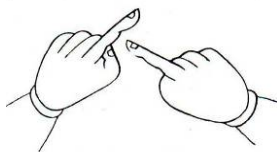
“**Án, bát ná ma la đát ná, ma lệ, hàm**”

ॐ पद्म रत्न माले ह्रीं

OM- PADMA-RATNA-MĀLE HŪM

Tiếp, kết **Nhất Thiết Từ Giáp Ấn**

Hai tay kết Kim Cương Quyền đặt ngang trái tim. Đặt cạnh Tiến Lực (2 ngón trỏ) giao nhau. Trên mặt ngón Tiến (ngón trỏ trái) tưởng chữ ÁN (ॐ- OM), mặt ngón Lực (ngón trỏ phải) tưởng chữ TRUNG (ॐ- TUM) tỏa ra ánh sáng màu lục. Ánh sáng chẳng gián đoạn như rút dây tơ của ngó sen. Đặt ấn ngang trái tim xong, giữ Định quyền (quyền trái), dùng Trí quyền (quyền phải) buộc vòng hoa sau vầng trán xong liền hướng về trước rũ đuôi ngón Tiến (ngón trỏ trái). Hai độ ÁN CHÂM (ॐ ॐ – OM TUM) cùng nhau xoay vòng quanh tỏa ánh sáng màu lục liên tục chẳng dứt như mặc áo giáp. Từ tim, lưng, rốn, eo lại đến đầu gối, ngực, lưng, hông, cổ, phía sau vầng trán. Mỗi mỗi xoay chuyển Tiến Lực (2 ngón trỏ) 3 lần rồi buông tán.



Lại ở trước dùng bàn tay rũ tán (các ngón) như rũ áo trời. Liên hay hộ khắp các chúng sinh. Tất cả Thiên Ma chẳng có thể hoại. Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án, A bà gia, bát ná ma, ca phộc chế, mẫn đà, la ngật sai hàm, hồng hám**”

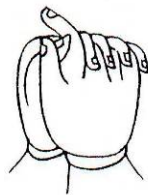
ॐ 𑖀𑖛𑖔𑖕𑖖𑖗 𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜 𑖝𑖞𑖟𑖠 𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥

OM_ ABHAYA-PADMA-KAVACE BANDHA RAKṢA MĀM HŪM HAM

Hành Giả tiếp nên dùng **Thành Sở Tác Trí Tam Ma Địa**. Tưởng ở trước thân của mình quán vô **Tận Hải Sơn Đại Liên Hoa Vương** có Kim Cương làm thân cây tràn khắp Pháp Giới. Trên hoa, tưởng trong lâu gác bảy báu có vành trăng tròn tịnh bên trên tòa Sư Tử. Chính giữa hiện ra hoa sen trắng diệu. Quán SA TỰ MÔN (𑖪) tỏa ánh hào quang lớn khiến chiếu khắp Pháp giới làm Đại Bi của Quán Âm. Lại ở trước mặt, quán Thế Giới Cực Lạc có đất bằng lưu ly và biển Sữa công đức. Ở trong biển đó quán chữ HIỆT-LỊ (𑖬𑖭) biến làm hoa sen hé nở vi diệu. Liên biến hoa sen đó thành Quán Tự Tại Vương Như Lai với sắc tướng trang nghiêm như sắc thân lúc trước. Quán sắc thân Như Lai như vành trăng, đầu đội mào Ngũ Như Lai, khoác áo trời buông rũ, đeo chuỗi ngọc nghiêm thân tỏa ánh hào quang chiếu khắp vô lượng vô số chúng Đại Bồ tát đang vây quanh trước sau dùng làm quyến thuộc. Hành giả vì muốn khiến cho tất cả Như Lai cùng tập hội nên dùng tiếp **Kim Cương Vương Bồ Tát Tam Ma Địa** để triệu tập chư Thánh.

_ Tiếp, kết **Liên Hoa Câu Triệu Án**

Hai tay Định Tuệ nắm Kim Cương quyền, Tiến độ (ngón trở trái) như móc câu, co riêng 3 lần



Tụng Mật Ngôn này là:

“**Án, bát ná ma cú xá, hồng nhạ**”

ॐ 𑖀𑖛𑖔𑖕𑖖𑖗 𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜 𑖝𑖞𑖟𑖠

OM - PADMA AMKUSA HŪM JAḤ

Tụng Mật ngôn này 3 biến, Tiến độ (ngón trở trái) 3 lần triệu, thì **chân thân của Bồ Tát** sẽ tương ứng mà đến.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Sách Đại Án** dẫn vào ở **Trí Thể** của **Tôn thân** (thân Bản Tôn)

Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Hai độ Thiên (ngón cái trái) Tiến (ngón trở trái) cùng dính nhau.



Tụng Chân Ngôn này là:

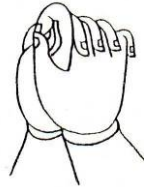
“**Án, bát ná ma, A mầu giá bán xả, hồng**”

ॐ 𑖀𑖛𑖔𑖕𑖖𑖗 𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜 𑖝𑖞𑖟𑖠

OM- PADMA-AMOGHA-PĀŚA HŪM

Tưởng thân Bồ Tát đi đến vào tượng vẽ.

Tiếp, kết **Kim Cương Câu Tỏa Ấn** hay khiến cho Bản Tôn đều trụ bền chắc. Thiên (ngón cái trái) Tiến (ngón trỏ trái) Lực (ngón trỏ phải) Trí (ngón cái phải) cùng móc kết. Đây gọi là **Kim Cương Năng Chỉ Ấn**.



Tụng Mật Ngôn này là:

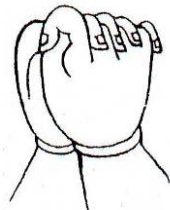
“**Án, bát ná ma tắc phổ tra, hồng**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

OM PADMA-SPHOṬA HŪM

Tác Pháp này xong thì **Bản Tôn Thánh Giả** gia trì không tan.

Tiếp, kết **Kim Cương Diệu Khánh Ấn**, hay khiến cho Chư Thánh đều vui vẻ. Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào Kim Cương Phộc, co đều Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn nhau như cái vòng. Đây là **Kim Cương Hoan Hỷ Ấn**.



Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná ma phệ xả, hồng**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

OM - PADMA-AVIŚA HŪM

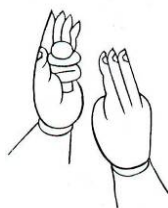
Tác Pháp này thì tất cả Chư Phật Bồ Tát và Bản Tôn Thánh giả đều vui vẻ.

Tiếp, kết **Át Già Thủy Đà La Ni Ấn**.

Đem Uất Kim Hương, Long Não Hương, Bạch Đàn Hương, nước, hòa chung chứa đầy trong bình **Át Già** (Ārgḥa) rồi dâng lên cúng dường.

Tiếp, tác **Át Già Khế**

Liên đem 2 tay vào ngang trái tim. Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) ngựa đuôi thẳng. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn móng Thiên Trí (2 ngón cái).



Tụng Mật Ngôn này là:

“**Án, đế lệ bột đà, sa phộc hạ**”

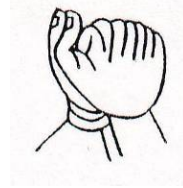
ॐ ग [व] व ह सू ह

OM- TERALE BUDDHA SVĀHĀ

Tác cúng dường này dùng nước Cam Lộ Kim Cương của tất cả Như Lai rưới lên đỉnh đầu của tất cả chúng sinh nhằm diệt trừ vô lượng nghiệp chướng của hữu tình. Người uống nước này hay trừ các tai hoạn. Do kết **Át Già** cúng dường và dâng mọi nước thơm **Át Già** tương tẩm thân Vô Cấu của Chư Thánh sẽ được **Quán Đỉnh Pháp Vân Địa**

_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Như Lai Bách Tự Đà La Ni Án**.

10 ngón tay buộc bền chắc, kèm cúng Thiền Trí (2 ngón cái).



Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná ma tát đất phộc, tam ma gia ma nô bán la gia – Bát ná ma tát đất phộc đất vĩ nô ba để sất xá - Niết lệ trạc trà hộ minh bá phộc – A nỗ lộ ngật đồ minh bát phộc – Tô báo sái dụ, minh bá phộc – Tát đĩnh minh bát la gia xa Tát bà yết tô ma giả minh – Chát đá thất lệ dục – Cú lô Hồng, Ha Ha Ha Ha Hô Bạc Già Phạm – Tát bà đá tha yết đá, bát na ma, măng danh muện già – Bát ná mê bá phộc – ma hạ tam ma gia tát tỏa – ÁC**”

OM - PADMA-SATVA SAMAYAM - ANUPALĀYA PADMA-SATVA TVENOPATIṢṬA DR̥DHO MEBHAVA_ SUPOṢYO MEBHAVA_ ANURAKTO MEBHAVA_ SUPOṢYO MEBHAVA_ SARVA SIDDHI ME PRACCHA - SARVA KĀRMASU_ CA ME CITTA ŚRĪYAḤ KURU HŪM - HA HA HA HA HOḤ - BHAGHAVAṀ - SARVA TATHĀGATA-PADMA MĀ ME MUMCA - PADMĪ BHAVA_ MAHĀ-SAMAYA SATVA ĀḤ.

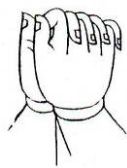
(Bản khác ghi là : ॐ पद्मसत्त्व समयम्वपलया पद्मसत्त्व वृत्पगिष्ठ कृत्सकव सुगच्छ मरुव सुपच्छ मरुव सुवृ [क] मरुव सत् (सङ्ग) म प्रयक सत् कश्चि सु व म (वृ) श्रीयं कु रू कृत्कृत्कृत्कृत् कृत्वं सत् गच्छग पद्म म म् व पद्म र व मत्स समयम व ॐ)

OM_ PADMA-SATVA SAMAYAM_ ANUPĀLAYA PADMA-SATVA TVENA UPATIṢṬA DR̥DHO MEBHAVA_ SUTOṢYO MEBHAVA SUPOṢYO MEBHAVA_ ANURKTO MEBHAVA_ SARVA SIDDHIṀ ME PRAYACCHA SARVA KĀRMASU_ CA ME CITTAṀ ŚRĪYAṀ KURU HŪM_ HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAM_ SARVA TATHĀGATA-PADMA_ MĀ ME MUMCA _ PADMĪ BHAVA_ MAHĀ-SAMAYA-SATVA_ ĀḤ)

Do dùng **Ma Ha Diễn Bách Tự Chân Ngôn** gia trì, cho nên đã phạm 5 tội Vô Gián, phi báng tất cả Chư Phật với Kinh **Phương Quảng** (Vaipulya), người tu Chân Ngôn đều trừ được. Dùng Bản Tôn trụ bền chắc ngay thân của mình ắt được tất cả **Tất Địa** (Siddhi) đã mong cầu ở đời hiện tại là **Trí Thắng Tất Địa, Kim Cương Tỏa Tất Địa**, cho đến **Như Lai Tối Thắng Tất Địa**.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Hỷ Hỷ Án** để thành tựu nội quyền thuộc của Như Lai.

Hai tay Định Tuệ hòa hợp Kim Cương. Dụng 2 độ Thiên Trí (2 ngón cái) ở trái tim. Tất cả Hỷ Hý Tiệm Luân đài buông Luân Khê thích ý ở trên đỉnh đầu.



Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án, bát ná ma la tế, hô**”

ॐ पद्म रति हः

OM- PADMA RATI HOH

Tác Pháp này như đem tất cả Trí Tuệ của Như Lai cúng dường Chư Phật dùng làm du hý. Do đem hỷ hý cúng dường cho nên chẳng bao lâu sẽ chứng **Kim Cương Định**.

— Tiếp, kết **Kim Cương Hoa Man Án** quán đám mây tràng hoa màu nhiệm tràn đầy khắp Pháp giới.

Chẳng sửa Án lúc trước, dâng lên trước mặt tướng vòng hoa báu dùng nghiêm phòng.



Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án, bát ná ma ma lệ, đát la Tra**”

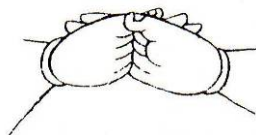
ॐ पद्म माले त्रः

OM_ PADMA-MĀLE TRAT

Tác Pháp này như đem vòng hoa Bồ đề mà cúng dường. Do dùng vòng hoa Kim Cương cúng dường sẽ được trao truyền Vương vị của Pháp Quán Đỉnh.

— Tiếp, kết **Kim Cương Ca Vịnh Án** tán dương Phước Trí của Như Lai. Chân thành quán tướng tốt, vận âm trong trẻo, dùng khế **Như Như Tính Lý**, khởi Án Ca Vịnh của Kim Cương này dùng âm thanh màu nhiệm ca ngợi Phật Trí.

Án như trước, đem từ rốn đến miệng rồi buông ra nhằm diễn âm nhạc màu nhiệm làm vui cho Thánh Tôn.



Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án, bát ná ma nghi đế, nghi**”

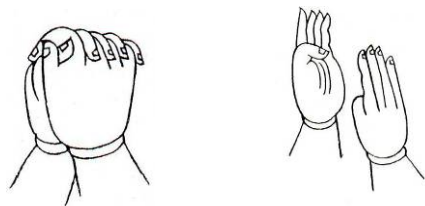
ॐ पद्म नीते गीः

OM_ PADMA-GĪTE GĪH

Tác Pháp này như đem tất cả Mật ngôn Ca Vịnh của Như Lai mà cúng dường, chẳng bao lâu sẽ được **Như Lai Biện**.

— Tiếp, kết **Kim Cương Vũ Diệu Án** quán đám mây **diệu cổ** (cái trống màu nhiệm) cúng dường khắp.

Hai tay Định Tuệ đều xoay múa từ hông sườn bên phải, hông sườn bên trái rồi đến trái tim . Mỗi mỗi Tiến Lực (2 ngón trỏ) xoay vòng 3 lần, Chân ngón Tiệm Luân (xoay vòng dần dần đọc Chân Ngôn) lên trên đỉnh rồi buông Ấn.



Tụng Mật Ngôn này là:

“**Ấn, bát ná ma, nễ lệ đế, ngật lệ tra**”

ॐ पद्म नृत्तु ज्ञे

OM_ PADMA-NRTYE KRT

Tác Pháp này như đem tất cả Biện tài của Như Lai mà cúng dường. Do dùng điệu múa màu nhiệm cúng dường cho nên sẽ được **Ý Sinh Thân** của Như Lai.

_ Tiếp, kết **Phân Hương Ngoại Cúng Dường** xông ướp khắp Hải Hội của Phật.

Hoà hợp Kim Cương, đưa xuống dưới buồng chường, tưởng đám mây hương màu nhiệm tràn khắp Pháp giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

“**Ấn, bát ná ma độ bé, Ác**”

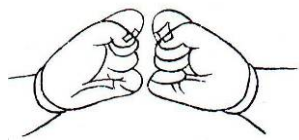
ॐ पद्म वृष ऋ

OM_ PADMA-DHUPE ĀḤ

Tác Pháp này như đốt tất cả hương màu nhiệm của Như Lai mà làm cúng dường hay khiến cho tất cả hữu tình được quả Thanh tịnh. Do dùng hương đốt cúng dường nên liền được Trí Vô ngại màu nhiệm.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Tán Hoa Ấn** để trang nghiêm thế giới.

Kết Ấn đưa lên trên buồng tán như giỡn hoa. Đám mây hoa bay phơ phới thom phức tràn khắp Pháp Giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

“**Ấn, bát ná ma bồ sát bé**”

ॐ पद्म पुष्प (ॐ)

OM_ PADMA-PUSPE (OM)

Tác Pháp này như đem tất cả hoa màu nhiệm của Thế gian mà cúng dường, hay khiến cho hữu tình mau được thành tựu 32 tướng CỤ TỨC của Như Lai. Do kết hoa Kim Cương cúng dường nên mau chóng chứng 48 tướng Như Lai.

Tiếp, kết **Kim Cương Đăng Minh Ân** chiếu rọi khắp **phật Hội**, hợp ánh sáng hiển hiện.

Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) dính nhau như hình bấu. Đem Thiền Trí (2 ngón cái) lúc trước đặt gần sát Kim Cương Phộc. Ánh sáng đèn **Ma Ni** chiếu rọi khắp Pháp Giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án, bát ná ma nễ bế, nễ**”

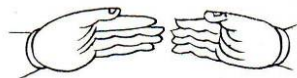
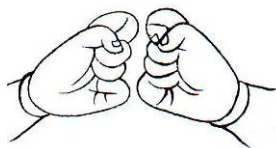
ॐ पद्मदीप्यै

OM PADMA-DĪPE DĪH

Tác Pháp này như đem tất cả đèn Trí (Trí đăng) của Như Lai mà cúng dường hay khiến cho hữu tình mau được thành tựu Trí Tuệ của Như Lai. Do dùng đèn Kim Cương cúng dường sẽ mau đầy đủ 5 loại mắt của Như Lai.

Tiếp, kết **Kim Cương Đồ Hương** dùng cúng dường các Phật Hội.

Buông tán Kim Cương Phộc như xoa hương. Hơi thơm (hương khí) tràn khắp 10 phương giới.



Chân Ngôn là:

“**Án, bát ná ma hiến đề, ngược**”

ॐ पद्मगन्धाय

OM PADMA-GANDHE GAH

Tác Pháp này như đem tất cả hương **Thi La Trí** (Śīla-jñāna) của Như Lai mà làm cúng dường hay khiến cho hữu tình mau được **Giới Thân thanh tịnh**. Do kết **Kim Cương Hương Ân** được đủ 5 phần Pháp Thân. Như vậy rộng làm Phật sự.

Tiếp, nên chân thành **quán tác niệm tụng**. Trước tiên nên 1 duyên quán Bản Tôn, 4 **Minh** dẫn vào nơi Tự Thể (Thể của mình) **Trí Nhân** và **Tôn** không có hai (vô nhị), uy nghi sắc tướng đều như nhau. Chúng Hội quyên thuộc đều vây quanh, trụ ở Viên Tịch Đại Kính Trí.

Hai tay Định Tuệ kết Kim Cương Phộc. Dựng hai độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây Phướng.



Liên tụng **Quán Âm Căn Bản Minh**, thân ở vành trăng đồng với **Tát Đỏa** (Satva). Tụng Chân Ngôn này là:

“Án, lộ kế thấp phộc la la nhạ, hiệt li”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM - LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ

Tiếp, nói **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Nễ La Kiền Tha Đà La Nĩ** là:

- 1) **Ná mộ la đất ná đất la dạ dã** (NAMO RATNA-TRAYĀYA)
- 2) **Ná mô A li gia** (NAMAḤ ĀRYA)
- 3) **Phộc lộ chỉ đế thấp phộc la dã** (AVALOKITEŚVARĀYA)
- 4) **Mạo đề tát đất phộc dã** (BODHI-SATTVĀYA)
- 5) **Ma hạ tát đất phộc dã** (MAHĀ-SATTVĀYA)
- 6) **Ma hạ ca lỗ ni ca dã** (MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA)
- 7) **Tát bà mãn đà na** (SARVA BANDHANA)
- 8) **Thế ná ná ca la dã** (CCHEDANA KĀRĀYA)
- 9) **Tát ma bá phộc** (SARVA BHAVA)
- 10) **Tam mãn lộ lộ sa noa** (SAMUDRAM SUKṢAṆA)
- 11) **Ca la dã** (KĀRĀYA)
- 12) **Tát phộc di dạ** (SARVA VYA)
- 13) **Đề** (DHI)
- 14) **Bát la xả ma ná ca la dã. Tát vi đề dụ bả nại la phộc** (PRAŚAMANA KĀRĀYA _ SARVA TITYU BHANDRAVA)
- 15) **Vĩ ná xá ná ca la dã** (VINAŚANA KĀRĀYA)
- 16) **Tát ma bá duệ số giả, đất la noa ca la đất tả** (SARVA BHAYEṢYO TĀRĀṆA KĀRĀ _ TASMAI)
- 17) **Ná ma tắc ngật li đá phộc** (NAMASKRTVA)
- 18) **Ế hàm A li gia** (IMAM ĀRYA)
- 19) **Phộc lộ chỉ đế** (AVALOKITA)
- 20) **Thấp phộc la** (IŚVARA)
- 21) **Đất la nễ la kiền tha na ma** (LAMTABHA _ NĪLAKAṆṬHA NĀMA)
- 22) **Hiệt li đà gia ma mặt đá dĩ sử dạ nhĩ** (HRDAYA MABRATA ICCHYAMI)
- 23) **Tát ma li dã sa đà nẫm thú bá** (SARVĀRTHA SĀDHANAM ŚUDDHAM)
- 24) **A chất diễm tát ma bộ đá nẫm** (AJIYAM SARVA-BHŪTANAM)
- 25) **Bá phộc mặt li nga** (BHAVA MĀRGA)
- 26) **Vĩ thú đà, Kiếm** (VIŚUDDHAKAM)
- 27) **Đất nễ dã tha** (TADYATHĀ)
- 28) **ÁN** (OM)
- 29) **A lộ kế** (ĀLOKE)
- 30) **A lộ ca ma để** (ĀLOKA MATI)
- 31) **Ca loan đế** (KRAMTE) [?VIKRAMTE]
- 32) **Tứ tứ ha lệ** (HE HE HĀRE)
- 33) **Ma ha bồ đề tát đỏa** (MAHĀ-BODHI-SATTVA)
- 34) **Hê mạo đề tát đất phộc** (HE BODHI-SATTVA)
- 35) **Hê ma ha mạo đề tát đất phộc** (HE MAHĀ-BODHI-SATTVA)
- 36) **Hê bát li gia** (HE VĪRYA)

- 37) Mạo đề tát đả phộc (BODHI-SATTVA)
 38) Hê ca lỗ nê ca (HE KĀRUNĪKA)
 39) Sa ma la Khất li ná diên (SMARA HRDAYAM)
 40) Tứ tứ ha lệ (HE HE HĀRE)
 41) A lô gia phộc lộ chỉ đế (ĀRYA-AVALOKITA)
 42) Thấp phộc la ma tổ nê phộc la một đát la (ĪSVARA MAHEŚVARA MAITRA)
 43) Chát đả (CITTA)
 44) Ma ha lỗ ni ca (MAHĀ-KĀRUNĪKA)
 45) Cú lỗ cú lỗ yết hàm (KURU KURU KARMAM)
 46) Sa đà dā, Sa đà dā (SĀDHAYA SĀDHAYA)
 47) Vĩ niệm (VIDYA)
 48) Nê tứ nê tứ mê phộc lam (NIHE NIHE ME VARAM)
 49) Ca hàm nga ma (KĀMAM GAMA)
 50) Vĩ dưỡng nga ma (VIYAM GAMA)
 51) Vĩ dưỡng nga ma (VIYAM GAMA)
 52) Vĩ nga ma (VIGAMA)
 53) Tát bà dụ nghệ thấp phộc la (SARVA YOGESVARA)
 54) Độ lỗ độ lỗ vĩ gia đề (DHURU DHURU VIYANTI)
 55) Ma ha vĩ gia đề (MAHĀ-VIYANTI)
 56) Đà la (DHĀRA)
 57) Đà lê nại lê Thấp phộc la – Giả la vĩ ma la mẫu lật đế (DHĀRE INDRESVARA CALA VIMALA AMRTE)
 58) A li dā phộc lộ chỉ đế (ĀRYA-AVALOKITA)
 59) Thấp phộc la nhĩ ná (ĪSVARA JINA)
 60) Ngật li sắt noa (KṚṢṆA)
 61) Nhạ tra ma cú tra phộc lam ma (JAṬA MAKUṬA VARAMMA)
 62) Bát lam ma (PRARAMMA)
 63) Ma ha tát đà (MAHĀ-SIDDHA)
 64) Vĩ nễ gia (VIDYA)
 65) Mạt la mạt la ma ha mạt la (MALA MALA MAHĀ-AMALA)
 66) Giả la giả la ma ha giả la (CALA CALA MAHĀ-ACALA)
 67) Ngật li sắt noa phộc li noa (KṚṢṆA-VRṆA)
 68) Ngật li sắt noa bác xoa nễ giả đát na (KṚṢṆA-PAKṢA DĪRGHATANA)
 69) Hê ha ná ma (HE PADMA)
 70) Hạ sa đá (HASTA)
 71) Giả la giả la (CARYA CARYA)
 72) Nễ xá giả lệ Thấp phộc la (NĪSA-CARYESVARA)
 73) Ngật li sắt noa tát bà (KṚṢṆA-SARPA)
 74) Ngật li đán dā nghĩ nễ cát nùng ba ni đán (KṚTVĀ AGNI JYOPAVITRAM)
 75) Ê hê duệ ma ha phộc la ha mục khư (EHYEHI MAHĀ-VARĀHA-MUKHA)
 76) Đế li bố la ná ha ni Thấp phộc la (TRIPŪRA DAHANEŚVARA)
 77) Na la dā noa (NĀRĀYAṆA)
 78) Lỗ ba phộc la (RŪPA VARA)
 79) Vi nga đả lô hê (VIGATA LOKE)
 80) Nễ la kiến tha (NĪLAKANṬHA)

- 81) **Hê ma ha ha la ha la** (HE MAHĀ-HĀRA HĀRA)
82) **Vĩ sái** (VIṢA)
83) **Nễ thê đá lổ ca tả** (NIRJITA LOKAṢYA)
84) **La nga vĩ sái vĩ na xá ná** (RĀGA-VIṢA VINĀŚANA)
85) **Nễ vĩ sái** (DVAIṢA-VIṢA)
86) **Vĩ na xá ná** (VINĀŚANA)
87) **Mô hạ vĩ sái vĩ ná xá na** (MOHA-VIṢA VINĀŚANA)
88) **Hộ lổ hộ lổ** (HURU HURU)
89) **Ma la ha lổ** (MAHĀ-HURU)
90) **Ha lệ ma ha bả ná ma na bá** (HĀRE MAHĀ-PADMA-NĀTHA)
91) **Sa la sa la** (SARA SARA)
92) **Đồ lị đồ lị** (SIRI SIRI)
93) **Tổ lổ tổ lổ** (SURU SURU)
94) **Một hưởng một hưởng, mạo đà dã mạo đà dã** (MURU MURU_ BUDDHĀYA BUDDHĀYA)
95) **Mạo đà dã đế** (BODDHAYATE)
96) **Nễ la kiến tha** (NĪLAKAṆṬHA)
97) **Ê hế duệ hế** (EHYEHI)
98) **Phộc** (VA)
99) **Ma hạ tất tha đá** (MAHĀ-STHITA) [?EHYEHI VAMA STHITA]
100) **Hạ mục kha** (HA-MUKHA) [?SIMHA-MUKHA]
101) **Hạ sa hạ sa** (HASA HASA)
102) **Muộn giả muộn giả** (MUMCA MUMCA)
103) **Ma ha tra tra ha tăng** (MAHĀ-ṬĀṬA HASAM)
104) **Ê hế duệ hế** (EHYEHI)
105) **Bộ** (PAM)
106) **Ma ha tất đà dụ nghệ thấp phộc la** (MAHĀ-SIDDHA YOGESVARA)
107) **Bá noa bá noa phộc chế** (SAṆA SAṆA VACE)
108) **Sa đà sa đà dạ vĩ niệ** (SĀDHA SĀDHAYA-VIDYA)
109) **Sa ma la, sa ma la** (SMARA SMARA)
110) **Đam bà nga vãn đạ** (TĀM_ BHAGAVAM ŚAM)
111) **Lô chỉ đá** (LOKITA)
112) **Vĩ lộ cát đạ** (VILOKITAM)
113) **Đá tha nghiệt đạ** (TATHĀGATAM)
114) **Ná na tứ mê** (DADĀ HĪME)
115) **Nại xả ná** (DARŚANA)
116) **Ca ma tả** (KĀMAṢYA)
117) **Nại lị xá nã** (DARŚANAM)
118) **Bát la ha la** (PRAKARA)
119) **Ná gia ma nã sa phộc ha** (DĀYA MANA_ SVĀHĀ)
120) **Tất đà gia sa phộc ha** (SIDDHĀYA_ SVĀHĀ)
121) **Ma ha tất đà sa phộc ha** (MAHĀ-SIDDHĀYA_ SVĀHĀ)
122) **Tất đà dụ nghệ thấp phộc la gia, sa phộc ha** (SIDDHA YOGESVARĀYA_ SVĀHĀ)
123) **Nễ la kiến tha gia, sa phộc ha** (NĪLAKAṆṬHĀYA_ SVĀHĀ)
124) **Phộc ha phộc la hạ mục khứ gia, sa phộc ha** (VAHA [?MAHĀ] VARĀHA-MUKHĀYA_ SVĀHĀ)

125)Ma ha ma ha ná la tăng hạ mục khư gia, sa phộc ha (MAHĀ MAHĀ-DHĀRA SIMHA-MUKHĀYA_ SVĀHĀ)

126)Tát đà vĩ nễ đã đà la gia, sa phộc ha (SIDDHA VIDYA-DHĀRĀYA_ SVĀHĀ)

127)Bát ná ma hạ tát đá gia, sa phộc hạ, ngật lị sắt noa. Tát bà ngật lị đán dã. Nghĩ nễ dụ bả vĩ đá dã, sa phộc ha (PADMA-HASTĀYA SVĀHĀ_ KṚṢṆA-SARPA KRTVAYA AGNI JYOPAVITRĀYA SVĀHĀ)

128)Ma ha la cú tra đà la dã, sa phộc ha (MAHĀ- LAKUTA [?MUKTA] DHĀRĀYA_ SVĀHĀ)

129)Giả yết la dụ đà gia, sá phộc ha (CAKRA YUDHĀYA_ SVĀHĀ)

130)Thương khư nhiếp đà nễ, bộ đà ná gia, sá phộc ha (ŚAṅKHA ŚABDANI BUDDHA-NĀYA_ SVĀHĀ)

131)Ma ma (Thọ trì) tắc kiến đà nê sa tát thể đán (MAMA.... SKANDA VIṢA STHITA)

132)Ngật lị sắt noa nhẫn ná gia sa phộc ha (KṚṢṆA-JINĀYA_ SVĀHĀ)

133)Di già la chiết ma nễ (VYĀGHRA-CAMANI)

134)Phộc (VA) [?VASANĀYA]

135)Tát ma tát đệ (SARVA SIDDHE)

136)Thấp phộc la gia, sa phộc ha (ISVARĀYA_ SVĀHĀ)

137)Ná mộ bà nga phộc đế (NAMO BHAGAVATE)

138)A lị gia phộc la chỉ đế thấp phộc la gia (ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA)

139)Mạo địa tát đá phộc gia (BODHI-SATTVĀYA)

140)Ma ha tát đá phộc gia (MAHĀ-SATTVĀYA)

141)Ma ha ca gia (MAHĀ-KĀYA) [?MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA]

142)Tát diện đô minh (SIDDHYANTU ME)

143)Đát la bá na gia, Sa phộc ha (MANTRA-PADĀYA_ SVĀHĀ)

Hai tay Định Tuệ dâng Châu man (Tràng hạt). Gia trì 7 biến xong, nâng lên trên đỉnh đầu. Lại để ngang trái tim, trú bèn chắc ở **Đẳng Dẫn** (Samādhī) rồi niệm tụng. Hơi động đầu lưỡi, hợp môi răng. Thân thuận ngược, quán tướng tốt. Bốn thời siêng tu chẳng gián đoạn, lấy ngàn trăm làm giới hạn. Lại vượt qua tất cả Thần Thông và Phước Trí. Đời hiện tại ngang bằng với **Biển Chiếu Tôn** (Vairocana-nātha).

Hành giả niệm tụng phân hạn xong rồi, nâng tràng hạt trên đỉnh đầu phát khởi Đại Nguyện. Sau đó kết **Tam Ma Địa Ấn** nhập vào **Pháp Giới Thể Tính Tam Muội**. Nên tập **bổ Tự** (ạn bày chữ), chuyển **Đà La Ni**.

Các Pháp vốn chẳng sinh

Tự Tính là ngôn thuyết

Thanh tịnh không cầu nhiễm

Nhân Nghiệp bằng hư không

Chuyển lại suy tư kỹ

Chữ chữ ngộ chân thật

Trước sau tuy sai biệt

Sở chứng đều gom Một

Chẳng bỏ Tam Muội này

Vô Trụ Vô Duyên Bi

Nguyện khắp các hữu tình

Như TA không có khác

Hành Giả từ **Tam Muội** xuất ra liền kết **Căn Bản Ân**, tụng **Bản Minh** 7 biến.
Lai dùng sự cúng dường lớn. Đức Phật dùng âm từ màu nhiệm xung dương khen
ngợi, hiển nước **Át Già**.

Dùng **Giáng Tam Thế Ân** chuyên bên phải để giải giới.

Án liền kết **Kim Cương Giải Thoát Ân** phụng tụng Chư Thánh

Y theo sám hối lúc trước, khải bạch Thánh giả, phát tâm nguyện xong.

— Tiếp, liền **Khiển Ân**

Đem **Căn Bản Ân** lúc trước từ rốn đến mặt mới buông tán. Chắp tay ở trên đỉnh
đầu, tụng **Quán Tự Tại Vương Như Lai** quay trở lại Bản Cung. Tụng Chân Ngôn
này là:

“**Án, bạt nhật la, bát ná ma, dục**”

ॐ २ ३ ५ ४ ३

OM - VAJRA-PADMA MUH

Phát khiển Bản Tôn xong, tùy ý phát nguyện, lại dùng **Giáp Ân** hộ thân, dùng
Mã Đầu Minh Vương Giới Ân lúc trước chuyên bên trái để giải giới rồi tùy ý kinh
hành đi đến nơi trong sạch dùng hương hoa nghiêm trì. Đọc tụng kinh Đại Bát Nhã,
kinh Hoa Nghiêm, kinh Niết Bàn, kinh Lăng Già ... đi, đứng, ngồi, nằm, thường niệm
Bản Tôn dùng để gián đoạn.

Nếu có chúng sinh gặp kinh giáo này. Ngày đêm 4 thời tinh tiến tu tập thì đời này
chúng được **Hoan Hỷ Địa**, sau 16 đời thành Chính Giác.

Hướng theo điều đã dịch, lược nơi câu cú mà tùy thuộc nói **Đà La Ni** như vậy.
Mỗi một chữ chứa đủ 8 vạn Tạng Tu Đa La, vô lượng trăm ngàn **Tuyên Đà La Ni**.
Mỗi một môn đều nói chân tướng của Chân Như thâm sâu.

Đây là dùng sự lưu truyền hiếm có của nhiều đời mà diễn thích. Lại dùng điều
chẳng giải **Chân Ngôn** mà dùng được **Gia Bị** nên gọi chung là **Chú**. **BÁT** (不) cũng
là **PHI** (非) nên nói **Đà La Ni** hoặc **Chân Ngôn**, hay nói là **Minh Vương**, có thật
nhiều **Hiệu**. Nói thẳng là **Chú** tức là **Chú Trớ** có sự khác biệt thế nào? Đây tức là sự
ngộ nhận (sai lầm) của phiên dịch. Lại xưng là điều trao truyền mà hy vọng là không
có tội ư?!....

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN DIỆU THÂN ĐẠI BI
BẢO TRÀNG ĐÀ LA NI

1) **Ná mô la đát năng đát la dạ gia** (NAMO RATNA-TRAYĀYA)

2) **Ná mô A di đát bà đã** (NAMO AMITĀBHĀYA)

3) **Đát tha nga đát gia** (TATHĀGATĀYA)

4) **La ha đế tam miệu tam bột đà đã** (ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA)

5) **Ná ma A lợi gia phộc lộ chỉ đế thấp phộc la đã, mạo đề tát đát phộc đã, ma
ha tát đát phộc đã, ma ha ca lô ni ca đã** (NAMAḤ ĀRYA-
AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATTVĀYA _ MAHĀ-SATTVĀYA_ MAHĀ-
KĀRUṆIKĀYA)

6) **Na mô ma ha tát tha ma đã bát la bát đát đã, mạo đề tát đát phộc đã**
(NAMAḤ MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA BODHI-SATTVĀYA)

7) **Ma ha tát đát phộc đã, ma ha ca lô ni ca đã** (MAHĀ-SATTVĀYA_ MAHĀ-
KĀRUṆIKĀYA)

8) **Na mô bà nga phộc đế** (NAMO BHAGAVATE)

- 9) **Vĩ bồ la vĩ ma na tô bát la đễ sắt sĩ đá tăng khế dã** (VIPULA VIMANA SUPRATIṢṬA SUMGHYA)
- 10) **Tổ lệ dã xả đá sa ha Sa la đễ lệ ca** (SŪRYA ŚATA-SAHASRA ATREKA)
- 11) **Bát la bá phộc bá tất đá mậu lật đá duệ** (PRABHĀVA-BHAṢITA AMRṬYE)
- 12) **Ma ha ma ni ma củ tra** (MAHĀ-MAṆI-MAKUṬA)
- 13) **Quân noa la đà lệ ni bà nga phộc đễ** (KUNḌALIṆI BHAGAVATE)
- 14) **Bát ná ma bả noa duệ** (PADMA-PĀNĀYE)
- 15) **Tát phộc tát đá phộc** (SARVA SATTVA)
- 16) **Bả lệ mê giả na dã** (PARIMOCANAYA)
- 17) **Đá nễ dã tha, Án** (TADYATHĀ: OM)
- 18) **Bộ lệ bộ phộc** (BHŪRU BHŪVAḤ)
- 19) **Ma ha ca la noa** (MAHĀ-KĀRUṆA)
- 20) **Tát đá ma đễ nhĩ la bà tra la** (ATMA STIMIRA PAṬARA)
- 21) **Ma nhật la** (VAJRA)
- 22) **Vĩ na xả ná ca la dã la nga ná mạt sa ma ha mô hạ nhạ la xả ma ca** (VINĀŚANA KĀRĀYA_RĀGA DVAIṢA MAHĀ-MOHA-JĀLA ŚAMAKA)
- 23) **Xả sa ca** (ŚASAKA)
- 24) **Lộ ngật sai ca tát ma bả dã nậu khư nập nga đễ** (RAKṢAKA SARVA PĀYA DUḤKHA DURGATI)
- 25) **Bát la bát la xả ma na ca la dã. Tát phộc đá tha nga đá sa ma phộc đà na ca la** (PRA PRAŚAMANA KĀRĀYA_SARVA TATHĀGATA-SAMA BANDHA KĀRA)
- 26) **Tát phộc xá bả lệ bồ la ca** (SARVA ŚAPARIPURAKA)
- 27) **Tát phộc tát đá phộc sa ma xá phộc sa ca la** (SARVA SATTVA-SAMA ŚVASA KARA)
- 28) **Y hê duệ hê** (EHYEHI)
- 29) **Ma ha mạo địa tát đá phộc** (MAHĀ-BODHI-SATTVA)
- 30) **Ma la ná bả na ma lộ ca bộ đà** (VARADA PADMA-LOKA-BHŪTA)
- 31) **Ma ha ca lộ ni ca** (MAHĀ-KĀRUṆIKA)
- 32) **Nhược tra ma** (JAṬA MAKUṬA)
- 33) **Lăng ngật lệ đá** (ALUMKṚTA)
- 34) **Thủy la đồ** (ŚIRṢAI)
- 35) **Ma ni ca na ca la nhạ đá ma nhật la** (MAṆI KANAKA RĀJATA VAJRA)
- 36) **Vĩ sân nan gia lăng ngật lệ đá** (VIBHINDHĀYA ALUMKṚTA)
- 37) **Xả lệ la dã** (ŚARIRĀYA)
- 38) **A nhĩ đá bà thị ca na ma ha ma la lăng ngật lệ đá** (AMITĀBHA-JINAKA MAHĀ-MĀLA ALUMKṚTA)
- 39) **Bát la ná la na lệ** (PRANĀRA NĀRI)
- 40) **Ma ha nhạ na xả đá sa ha sa la** (MAHĀ-JANA ŚATA-SAHASRA)
- 41) **Tỳ la sử đá ca dã** (AVILA ŚITA-KĀYA)
- 42) **Ma ha mạo đễ tát phộc vĩ đà ma vĩ đà xả dã vĩ na xả dã** (MAHĀ-BODHI-SATTVA VIDHAMA VIDHAŚAYA VIDHAŚAYA)
- 43) **Ma ha diển đá la ngật lệ xả** (MAHĀ-YANTRA KLEŚA)
- 44) **Ca phộc tra phộc ma đà tăng sa la khư la ca bát la ma tha na** (KAVAṬĀBHA VARDHA SAṢSĀRA CARAKA PRAMARTHANA)
- 45) **Bổ lỗ sa bát ná ma bổ lỗ sa na nga** (PURUṢA-PADMA PURUṢA-NĀGA)

- 46) **Bồ lô sa nga la** (PURUṢA-SĀGARA)
 47) **Mạt la vi nhạ dã** (MĀLA VIJAYA)
 48) **Vi la nhạ tổ nan đá** (VIRAJA SUTAMTA)
 49) **Đá lị vật lị đá** (PR VṚṆA)
 50) **Ná ma sa ma sa ma** (DAMA SAMA SAMA)
 51) **Độ lô độ lô bát la xá sa dã, bát la xá sa dã** (DHURU DHURU PRAŚASĀYA PRAŚASĀYA)
 52) **Kỳ lị kỳ lị, vĩ lị vĩ lị** (GIRI GIRI VIRI VIRI)
 53) **Chỉ lị chỉ lị, mẫu lô mẫu lô** (CILI CILI MURU MURU)
 54) **Tất mẫu dữu** (SAMUYU)
 55) **Môn giả môn giả bà nga phộc na lị gia** (MUMCA MUMCA_ BHAGAVAN ĀRYA)
 56) **Phộc lộ chỉ đế xả phộc la** (AVALOKITEŚVARA)
 57) **Lạc khắt sai ma ma (Thọ trì) tất phộc tất đá phộc nan giả** (RAKṢA MAMA..... SARVA SATTVĀNĀMCA)
 58) **Tất phộc bà duệ tỳ dã** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
 59) **Độ na độ na** (DHUNA DHUNA)
 60) **Vĩ độ na vĩ độ na** (VIDHUNA VIDHUNA)
 61) **Độ lô độ lô nga dã** (DHURU DHURU GAYA)
 62) **Nga đà dã nga đà dã** (GADAYA GADAYA)
 63) **Ha la hạ la** (HĀRA HĀRA)
 64) **Bát la hạ sa Bát la hạ sa** (PRAHASA PRAHASA)
 65) **Vĩ đà ngật lệ xả phộc sa na** (VIDHA KLEŚA VĀSANA)
 66) **Ma ma (Thọ trì) hạ la hạ la** (MAMA.... HĀRA HĀRA)
 67) **Tăng hạ la độ lô trí độ lô trí** (SAMHĀRA DHURUṬI DHURUṬI)
 68) **Ma ha man noa la chỉ la noa** (MAHĀ-MANḌALA KĪRAṆA)
 69) **Xả đá bát la tế ca phộc bà sa** (ŚATA PRASEKA AVABHĀṢA)
 70) **Vĩ vĩ sa xả ma ca** (VIVISA [?VIMANA] ŚAMAKA)
 71) **Ma ha mạo đề tất đá phộc** (MAHĀ-BODHI-SATTVA)
 72) **Phộc la đà Sa phộc ha** (VARADA SVĀHĀ)

_ Thời KHOAN DIÊN thứ hai, mùa thu tháng 7, ngày lúa chín. Xem xét Kinh này xong và truyền chép chẳng thiếu. Hy vọng Bạc Hiền đời sau xét định.

Lại nhờ hai Vị Thầy thỉnh về.

KIM CƯƠNG THỪA – VÔ ĐẲNG

Hiệu chỉnh xong vào ngày 08/06/2013